

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2021/KDTM-ST**

Ngày: 29-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan;

2. Ông Nguyễn Tấn Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 472/2020/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A. Trụ sở tại: xã lộ TS, phường HBP, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hồ Thị Mỹ A - Chức vụ Tổng Giám đốc. Bà Hồ Thị Mỹ A ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1984. Địa chỉ liên hệ: đường NĐ, phường AH, quận NK, thành phố Cần Thơ (Theo Giấy ủy quyền ngày 09/11/2020 của Công ty A) (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1964 (Hộ kinh doanh Nguyễn C) (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, khóm ĐT2, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2020 và 02 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 02/01/2014 Công ty A (gọi tắt là Công ty A) có ký hợp đồng mua bán số 06/HĐMT14 với ông Nguyễn Thanh C (Chủ cửa hàng sơn Nguyễn C) để cung cấp sơn nước và bột trét. Tổng số tiền hàng ông Nguyễn Thanh C nợ Công ty A đến ngày 14/02/2014 là 283.613.700đồng.

Trong năm 2015, ông C vẫn lấy hàng và thanh toán tiền hàng. Ngày 16/01/2015 ông C ký xác nhận công nợ với Công ty A 277.154.679đồng.

Ngày 05/5/2016 ông C ký xác nhận nợ với Công ty A là 157.074.100đồng.

Tính đến ngày 16/10/2020 ông C còn nợ Công ty A số tiền 141.245.234đồng.

Công ty đã nhiều lần liên hệ để thu tiền hàng nhưng không liên lạc được với ông C. Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông C có nghĩa vụ trả số tiền 141.245.234đồng cùng với lãi suất từ tháng 01/2018 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất là 1,33%/tháng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh C không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền 141.245.234đồng. Riêng lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán công ty yêu cầu tính lãi với mức lãi suất do pháp luật quy định, không yêu cầu mức lãi 1,33%/tháng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 09/11/2020 Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng mua bán tài sản”. Tuy nhiên, quá trình thụ lý Tòa án đã có văn bản xác minh liên quan đến việc đăng ký kinh doanh của ông C. Kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 1798/TCKH, ngày

13/11/2020 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Long Xuyên xác định: “Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên có cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho ông Nguyễn Thanh C là đại diện hộ kinh doanh Nguyễn C. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52A8007507, đăng ký lần đầu ngày 06/5/2005. Địa điểm kinh doanh: đường T, phường MP, thành phố L, tỉnh An Giang. Hiện tại ông C không có thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh hộ kinh doanh; thông báo về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của Hộ kinh doanh Nguyễn C”. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định lại đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều VI Hợp đồng mua bán hàng hóa số 06-HĐMT/HĐMB14, ngày 02/01/2014 các bên thỏa thuận nếu có tranh chấp sẽ do Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Tuy nhiên, thỏa thuận của các bên không đúng quy định pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Thanh C có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông C bằng phương thức niêm yết công khai tại địa chỉ đường T, khóm ĐT2, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang. Đây là địa chỉ Công ty A đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ông C đã ghi trong Hợp đồng mua bán hàng hóa số 06-HĐMT/HĐMB14, đúng địa chỉ trong các phiếu xác nhận công nợ ông C ký nhận. Tại Công văn số 1798/TCKH, ngày 13/11/2020 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Long Xuyên xác nhận “Hiện tại ông C không có thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh hộ kinh doanh; thông báo về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của Hộ kinh doanh Nguyễn C”. Ông C vắng mặt tại địa chỉ này nhưng không thông báo cho Công ty A biết về địa chỉ mới của mình nên được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[3.2] Về thủ tục ủy quyền: Công ty A ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng B. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, bà Yến tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền cho Công ty A theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về xem xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2020, 02/11/2020 Công ty A yêu cầu ông C trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức 1,33%/tháng. Tại phiên tòa Công ty A thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông C trả lãi theo mức lãi pháp luật quy định. Việc thay đổi yêu cầu

khởi kiện của Công ty A không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

[5] Về nội dung vụ án: Công ty A khởi kiện yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả số tiền 141.245.234 đồng cùng với lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 01/2018 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Đây là số tiền ông C mua sơn nước và bột trét của Công ty A nhưng chưa thanh toán.

Đối với yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn cung cấp bản chính hợp đồng mua bán hàng hóa số 06-HĐMT/HĐMB14, ngày 02/01/2014, phiếu xác nhận công nợ ngày 16/01/2015, 17/3/2016, 05/5/2016, 19/01/2017, các phiếu xuất kho, bảng kê thanh toán chuyển khoản ngân hàng.

Tại hợp đồng mua bán hàng hóa số 06-HĐMT/HĐMB14, ngày 02/01/2014 hai bên thỏa thuận hiệu lực của hợp đồng là đến ngày 31/12/2014 tuy nhiên sau khi hết thời hạn hợp đồng này hai bên không tiếp tục ký hợp đồng khác mà vẫn tiếp tục giao dịch mua - bán hàng hóa cho đến ngày 09/10/2017 thì ngưng không giao dịch nữa. Căn cứ vào các phiếu xác nhận công nợ ngày 16/01/2015, 17/3/2016, 05/5/2016, 19/01/2017 đủ căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn tiếp tục xác lập giao dịch mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại.

Đối với yêu cầu trả số tiền 141.245.234 đồng. Căn cứ vào phiếu xác nhận công nợ được ký giữa Công ty A và ông C lần cuối cùng là ngày 19/01/2017 thể hiện số tiền ông C còn nợ 157.074.100 đồng. Sau đó, thì Công ty A trình bày ông C có mua thêm hàng hóa đến ngày 09/10/2017 với tổng số tiền là 74.993.350 đồng. Sau khi nhận hàng thì công ty có trừ chiết khấu cho ông C là 7.342.216 đồng. Đồng thời, ông C cũng đã thanh toán thêm được 83.480.000 đồng (Trong đó: Chuyển khoản qua ngân hàng là 78.480.000 đồng và trả tiền mặt là 5.000.000 đồng). Mặc dù, ông C không ký xác nhận công nợ của số tiền 141.245.234 đồng của phiếu xác nhận công nợ ngày 28/6/2017 tuy nhiên căn cứ vào lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc mua bán hàng hóa, chuyển khoản của Cửa hàng sơn Nguyễn Cường do ông C đại diện mà Công ty A cung cấp đủ cơ sở xác định ông C còn nợ Công ty A số tiền 141.245.234 đồng.

Bên cạnh đó, phía ông C không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải, không tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định ông đã thực hiện xong nghĩa vụ với Công ty A. Yêu cầu của Công ty A buộc ông C trả số tiền mua hàng còn nợ lại 141.245.234 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Công ty A trình bày từ lần chuyển khoản thanh toán số tiền 500.000 đồng vào ngày 09/10/2017 thì phía ông C ngưng không thanh toán nữa. Do đó, yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty A từ tháng 01/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử là phù hợp nên được chấp nhận. Giữa Công ty A và ông C không có thỏa thuận mức lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là bao nhiêu. Căn cứ Điều 306 Luật thương

mai, căn cứ Án lệ số 09/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016, Hội đồng xét xử lấy mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm của 03 ngân hàng trên địa thành phố Long Xuyên gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh An Giang để tính tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Mức lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 9,5%/ năm, lãi quá hạn là 14,25%/năm; của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương là 10,0%/năm, lãi quá hạn là 15%/năm; của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương là 10,50%/năm, lãi quá hạn là 15,75%/năm. Mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên là 15%/năm tương ứng mỗi tháng là 1,25%/tháng.

Từ tháng 01/2018 đến ngày 29/01/2021 là 36 tháng 29 ngày Công ty A tự nguyện giảm 29 ngày cho ông C.

$141.245.234 \text{ đồng} \times 1,25\% / \text{tháng} \times 36 \text{ tháng} = 63.560.355 \text{ đồng}$

Tổng số tiền vốn và lãi ông C phải trả cho Công ty A là: 204.805.589 đồng.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông C phải nộp theo quy định pháp luật. Công ty A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 24, 50, 306 Luật thương mại;

- Án lệ số 09/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A: Buộc ông C có nghĩa vụ trả số tiền 204.805.589 đồng, làm tròn số 204.806.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc là 141.245.234 đồng và lãi là 63.560.355 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh C phải nộp: 10.240.000đồng (Mười triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty A được nhận lại 5.120.000đồng (Năm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007736, ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Về quyền kháng cáo: Công ty A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Thanh C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu